

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **53/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 13 - 5 - 2022.
V/v Tranh chấp xin ly hôn
và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Phương Lan
2. Bà Phạm Hồng Gái

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Diệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp, đại diện Viện kiểm sát không tham gia.

Ngày 13 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 334/2022/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 04 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thị L, sinh năm: 1996 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh Danh H, sinh năm: 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Thị L trình bày:

Chị và anh Danh H quen biết và thương yêu nhau được cha mẹ hai bên đồng ý, tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được hai con chung tên Danh H1, sinh ngày 15/5/2013 và Danh Nhựt Đ, sinh ngày 04/10/2015. Hiện nay, hai con chung đang sống chung với anh Danh H.

Tuy nhiên, thời gian sau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh Danh H không lo làm ăn, thường xuyên ăn nhậu, mỗi lần say rượu về nhà là anh H dùng vũ lực với chị, thậm chí anh H còn cầm dao rượt đuổi chị trong đêm nên chị đã về nhà cha mẹ sinh sống, vợ chồng ly thân hơn một năm nay.

Do không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Danh H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L xác định: Hiện chị đi làm công ty nên không có thời gian để chăm sóc con. Trong khi đó, anh Danh H có công việc ổn định, đủ điều kiện nuôi hai con và các con có nguyện vọng sống chung với anh Danh H nên chị đồng ý giao hai con chung cho anh Danh H tiếp tục nuôi dưỡng và chị không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung. Sau này, tùy điều kiện kinh tế chị sẽ cho con theo khả năng của mình. Về tài sản, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Anh Danh H trình bày ý kiến:

Tòa án đã thực hiện thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng (như: thông báo thụ lý, thông báo thời gian mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án) trực tiếp cho bị đơn anh Danh H, nhưng bị đơn anh Danh H không có mặt và không có văn bản trình bày ý kiến theo yêu cầu của Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn anh Danh H vắng mặt tại phiên tòa nên không có trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn anh Danh H vắng mặt, không có lý do và nguyên đơn chị Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Thị L và bị đơn anh Danh H.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thị L thì quan hệ pháp luật được xác định là: “*Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Do anh Danh H có địa chỉ cư trú tại xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

[3]. Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa chị Thị L và anh Danh H đã tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện H cấp chứng nhận kết hôn số 159/2015 ngày 25/11/2015 nên căn cứ Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa chị Thị L và anh Danh H là hợp pháp.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị Thị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với anh Danh H. Chị L xác định, chị không còn tình cảm với anh Danh H, giữa vợ chồng không yêu thương, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và vợ chồng đã ly thân hơn một năm nay nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Trong khi đó, anh Danh H mặc dù đã được Tòa án trực tiếp tổng đạt thông báo về yêu cầu ly hôn, nuôi con chung của chị Thị L; thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử. Tuy nhiên, anh Danh H không có mặt, không ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Thị L. Điều này cho thấy, anh Danh H không quan tâm và không muốn hòa giải về quan hệ hôn nhân, nuôi con chung với chị Thị L nên vợ chồng không có khả năng đoàn tụ.

Cho nên, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì yêu cầu xin ly hôn của chị Thị L là có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[4]. Về quan hệ con chung: Chị Thị L với anh Danh H có hai con chung tên Danh H1, sinh ngày 15/5/2013 và Danh Nhựt Đ, sinh ngày 04/10/2015. Hiện nay các cháu Hà, Đông đang do anh Danh H trực tiếp nuôi dưỡng và nguyện vọng của cháu là được tiếp tục sống chung với anh Danh H. Xét thấy, các cháu H1, Đ từ nhỏ đã sống chung với nhau, đang đi học ổn định và hiện nay hai cháu đang do anh Danh H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên để đảm bảo cho sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và không ảnh hưởng đến cuộc sống, học tập bình thường của các cháu, cũng như theo nguyện vọng của các cháu; đồng thời, theo sự tự nguyện của chị Thị L giao hai con chung cho anh Danh H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử xét ghi nhận sự tự nguyện này của chị Thị L.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Thị L, anh Danh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Thị L, anh Danh H không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Thị L được ly hôn với anh Danh H.
2. Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Thị L giao con chung tên Danh H1, sinh ngày 15/5/2013 và Danh Nhựt Đ, sinh ngày 04/10/2015 cho anh Danh H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.
- Chị Thị L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản anh thực hiện quyền này.
3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Thị L, anh Danh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Thị L, anh Danh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
5. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà chị Thị L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001405 ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Chị Thị L, anh Danh H vắng mặt nên được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện H;
- Cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tú Quỳnh

